

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-PT.

Ngày: 25/9/2019

V/v : “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi.

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 25/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2019/TLPT- HNGĐ ngày 07/8/2019 Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2019/QĐ-PT ngày 26/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐ-PT ngày 12/9/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đào Thị L – Sinh năm 1986.

HKTT: Xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Xóm C, Khu phố H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị đơn:** Anh Thân Thanh T – Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Người kháng cáo:** anh Thân Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đào Thị L trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Thân Thanh T kết hôn với nhau ngày 23/01/2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang nhưng trước khi đăng ký kết hôn chị và anh T đã về chung sống với nhau từ tháng 01/2016 mà không tổ chức cưới xin gì. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong quá trình vợ chồng chị đi làm, anh T cho rằng chị có quan hệ ngoài luồng với ông phu hồ nhưng thực tế là không có nên vợ chồng có đánh cãi, chửi nhau. Anh T đánh chị tuy không đến mức phải đi viện nhưng chị cũng bị sưng mặt, gãy răng. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6/2017 cho đến nay, anh T lên đón nhưng chị không về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Thân Thanh L1, sinh ngày 27/11/2016. Hiện nay, cháu L1 đang ở cùng anh T và phát triển bình thường. Ly hôn, chị đề nghị anh T nuôi cháu L1 và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T là 500.000 đồng/01 tháng vì hiện nay chị đang nuôi 02 con chung của chồng trước, sức khỏe yếu và không đủ điều kiện để nuôi và cấp dưỡng nuôi cháu L1 2.000.000 đồng/tháng. Chị khẳng định cháu L1 là con anh T nên chị không yêu cầu và cũng không có tiền để nộp chi phí đi giám định ADN với cháu L1.

- Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Thân Thanh T trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị L đăng ký kết hôn với nhau ngày 23/01/2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tại UBND xã H, huyện V. Tuy nhiên anh và chị L chung sống với nhau từ tháng 01/2016, không tổ chức cưới xin gì, còn năm 2017 đi đăng ký kết hôn để khai sinh cho con. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc từ khi sống chung cho đến khi con chung là cháu L1 được 06 tháng tuổi vợ chồng cùng nhau đi làm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L đi làm và có hành vi trêu đùa quá trớn với người đàn ông khác, vợ chồng có xô xát cãi nhau và anh có tát chị L. Sau đó chị L về nhà bố mẹ đẻ ở Đ ở từ tháng 6/2017 cho đến nay. Sau khi chị L về Đ ở thì anh có lên đón 02 lần nhưng chị L không gặp, gia đình hai bên cũng đã nói chuyện với nhau nhưng chị L vẫn kiên quyết không về. Nay chị L xin ly hôn, anh xác định vợ chồng không thể chung sống được với nhau nữa nên anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Thân Thanh L1, sinh ngày 27/11/2016 tuy nhiên anh không dám khẳng định cháu L1 có phải là con anh hay

không. Hiện nay cháu L1 đang ở cùng anh và phát triển bình thường. Ly hôn, anh đề chị L nuôi cháu L1, trường hợp chị L không nuôi được cháu L1 mà anh phải nuôi cháu L1 thì anh đề nghị chị L mang cháu L1 đi giám định ADN và phải cấp dưỡng nuôi cháu L1 2.000.000 đồng/1tháng và phải bồi thường tiền chi phí nuôi con cho anh từ khi chị L bỏ đi là 9.000.000 đồng/1tháng.

- Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn là chị Đào Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Về quan hệ vợ chồng chị L xin ly hôn anh T. Về con chung chị L xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Thân Thanh L1, sinh ngày 27/11/2016. Hiện nay cháu L1 đang ở cùng anh T và phát triển bình thường. Ly hôn, chị đề nghị HĐXX giao cháu L1 cho anh T nuôi dưỡng vì hiện giờ chị không có khả năng nuôi cháu L1, bản thân chị hiện nay buôn bán rau củ ngoài chợ thu nhập khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng lại bị bệnh bướu cổ và nuôi hai con chung của chồng trước nên không đủ khả năng nuôi cháu L1. Chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu L1 cùng anh T là 500.000 đồng/01 tháng, anh T yêu cầu chị cấp dưỡng 2.000.000 đồng/01 tháng chị không đồng ý vì chị không có điều kiện. Từ khi cháu L1 08 tháng tuổi chị để cho anh T nuôi dưỡng, cũng không xuống thăm cháu L1 bao giờ. Chị khẳng định cháu L1 là con anh T, chị không yêu cầu và không có tiền để đi giám định ADN đối với cháu L1. Trường hợp HĐXX cứ kiên quyết giao cháu L1 cho chị nuôi dưỡng, chị sẽ đem cháu cho người khác nuôi dưỡng. Ngoài ra, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác không có chị không có yêu cầu gì.

- Bị đơn anh T trình bày: Về quan hệ vợ chồng, chị L xin ly hôn nay anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn các con không có bố mẹ còn nếu vì bản thân anh thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung, anh xác định anh và chị L có 01 con chung là cháu Thân Thanh L1, sinh ngày 27/11/2016 nhưng anh không dám khẳng định cháu L1 là con anh, anh không có tài liệu chứng cứ chứng minh chị L ngoại tình nộp cho HĐXX, cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cháu L1 không phải con của anh mà anh chỉ nghi ngờ chị L. Anh vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị chị L phải mang cháu L1 đi giám định ADN và chị L nuôi cháu L1 một thời gian vì hiện nay anh đang phải đi điều trị ngoại trú bệnh viêm cầu tụy tuy nhiên anh không có tài liệu gì chứng minh anh đang đi điều trị bệnh. Trường hợp HĐXX giao cháu L1 cho anh nuôi dưỡng thì anh yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi cháu L1 cùng anh 2.000.000 đồng/tháng. Anh không yêu cầu và cũng không nộp chi phí giám định ADN đối với cháu L1 vì chị L là người nộp đơn ly hôn thì chị L phải mang cháu L1 đi giám định. Anh hiện nay đang làm thợ xây, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/01 tháng nếu làm đủ công. Anh cũng không yêu cầu chị L bồi thường tiền chi phí nuôi con cho anh từ khi chị L bỏ đi là 9.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Từ những nội dung trên, bản án sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; khoản 4, Điều 147; Điều 148 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83- Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27 - Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị L được ly hôn anh Thân Thanh T.

Về con chung: Giao anh Thân Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Thân Thanh L1, sinh ngày 27/11/2016. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T là 700.000 đồng/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ 01/07/2019 dương lịch cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi. Chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/7/2019 bị đơn là anh Thân Thanh T nộp đơn kháng cáo bản án số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Anh Thân Thanh T trình bày: Tôi không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không có mâu thuẫn đến mức ly hôn và vì tương lai của các con cần có cả bố và mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc. Tôi không đồng ý nuôi con vì bản thân bị bệnh tật và nghi ngờ cháu L1 không phải con của tôi, yêu cầu chị L phải giám định ADN để chứng minh. Nếu chị L đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con 3.500.000 đồng/ 1 tháng thì tôi chấp nhận ly hôn và nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung không có, cấp sơ thẩm không giải quyết nên tôi không kháng cáo.

- Chị Đào Thị L trình bày: Tôi không đồng ý với yêu cầu kháng cáo và trình bày của anh T. Tôi không muốn bỏ con cho anh T nuôi nhưng vì điều kiện hoàn cảnh của tôi thời điểm này không đảm bảo nuôi con. Tôi hiện nay đang phải nuôi hai con của chồng trước (đã chết) cũng rất tốn kém, vất vả, hai cháu đang theo học tại Trường tiểu học Đ, thành phố Bắc Giang. Bản thân tôi cũng ốm đau bệnh tật, điều kiện kinh tế khó khăn không có nghề nghiệp ổn định, bán rau ở chợ thu nhập khoảng 3 triệu đồng/1 tháng. Tôi về ở nhờ gia đình bố đẻ, bố tôi cũng vừa chết. Sau này cuộc sống ổn định hơn tôi sẽ xem xét thay đổi lại việc nuôi con. Tôi khẳng định cháu Thân Thanh L1 là con của anh T vì chúng tôi đã chung sống từ tháng 01/2016. Nếu anh T nghi ngờ thì phải giám định ADN. Tôi không chấp nhận yêu

cầu của anh T về mức cấp dưỡng 3.500.000đ/ 1 tháng thì đồng ý ly hôn và nhận nuôi con. Tôi không đồng ý về chung sống cùng anh T vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình được.

Về tài sản chung, công nợ không có nên tôi không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cấp sơ thẩm xử cho chị L được ly hôn anh T là có căn cứ. Về con chung: Mặc dù con dưới 36 tháng tuổi nhưng được anh T nuôi dưỡng từ lúc 8 tháng tuổi đến nay vẫn phát triển ổn định bình thường. Để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung cấp sơ thẩm giao cho anh T tiếp tục nuôi con là có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con căn cứ điều kiện, hoàn cảnh, thu nhập của chị L, cấp sơ thẩm buộc chị cấp dưỡng nuôi con theo mức 700.000 đồng/ 1 tháng là có căn cứ. Do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T. Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 308- Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Thân Thanh T được nộp cho Tòa án nhân dân huyện V trong thời hạn quy định của pháp luật và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó kháng cáo của anh Thân Thanh T là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của anh T:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo chị L và anh T trình bày, anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2017 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang và chung sống với nhau từ tháng 01/2016. Chị L cũng đã cung cấp được trích lục đăng ký kết hôn. Như vậy hôn nhân của chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại các buổi làm việc tại cấp sơ thẩm anh Tâm xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn. Tại phiên

tòa phúc thẩm anh T kháng cáo không đồng ý ly hôn vì không muốn các con không có bố mẹ và xác định vẫn còn tình cảm với chị L. Tuy nhiên HĐXX xét thấy: Chị L và anh T đã sống ly thân từ tháng 06/2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm tới ai. Tại phiên tòa phúc thẩm chị L khẳng định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử cho chị Đào Thị L được ly hôn anh Thân Thanh T là có căn cứ pháp luật. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Thân Thanh T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân.

[2.2]. Về con chung:

- Về xác định con chung: Theo hồ sơ vụ án, các lời khai của đương sự thì chị L và anh T đều xác định anh chị có 01 con chung là cháu Thân Thanh L1, sinh ngày 27/11/2016. Tuy nhiên, anh T không dám khẳng định cháu L1 là con anh nhưng đó chỉ là nghi ngờ chứ anh cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cháu L1 không phải là con anh. Chị L xác định ở thời điểm hiện nay chị không có khả năng nuôi cháu L1, bản thân chị đang buôn bán rau củ ngoài chợ thu nhập khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/1tháng lại bị bệnh bướu cổ và nuôi hai con chung của chồng trước (đã chết) nên không đủ khả năng nuôi cháu L1. Anh T muốn chị L nuôi cháu L1 một thời gian để anh đi chữa bệnh và khi nào chị L mang cháu L1 đi giám định ADN có kết quả thì anh sẽ nuôi cháu L1. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu L1 sinh ngày 27/11/2016, trước thời điểm chị L anh T đăng ký kết hôn nhưng cả chị L và anh T đều thừa nhận anh chị về chung sống với nhau từ tháng 01/2016. Khi đi khai sinh cho cháu L1 đều ghi rõ cha, mẹ đẻ là chị Đào Thị L và anh Thân Thanh T. Anh T nghi ngờ cháu L1 không phải là con đẻ của mình nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh và cũng không đề nghị giám định ADN nên theo quy định tại Điều 88 - Luật Hôn nhân gia đình Tòa án cấp sơ thẩm xác định cháu Thân Thanh L1, sinh ngày 27/11/2016 là con đẻ của chị Đào Thị L và anh Thân Thanh T là có căn cứ.

- Về việc nuôi con sau khi ly hôn: Theo xác minh tại địa phương thì hiện nay, chị L đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ tại phường Đ, thành phố B còn anh T ở nhà bố mẹ đẻ ở xã H, huyện V. Chị L hiện đang buôn bán rau củ ngoài chợ thu nhập khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/01 tháng, anh T đi làm thợ xây thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Chị L hiện đang nuôi 02 con chung với người chồng trước (đã chết) còn anh T đang nuôi 01 con chung với người vợ trước. Bản thân cháu L1 được anh T nuôi dưỡng từ khi cháu mới được 08 tháng tuổi cho đến nay, ngoan ngoãn, khỏe mạnh. Xét về mặt điều kiện hoàn cảnh, kinh tế cũng như việc đảm bảo ổn định đời sống, tránh xáo trộn cuộc sống của cháu L1, mặt khác tại các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa tại cấp sơ thẩm chị L đều từ chối quyền nuôi con chung. Từ những nhận định đó Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Thân Thanh L1 cho anh Thân Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa

phúc thẩm anh T cũng không giao nộp được các tài liệu nào khác thể hiện việc anh đi chữa bệnh hoặc tài liệu chứng minh cháu L1 không phải là con anh. Chị L cung cấp tài liệu xác nhận hai con của chị với chồng trước (đã chết) đang học tại trường tiểu học Đ. Như vậy kháng cáo của anh T về việc nuôi con chung là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung này.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: anh T yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu L1 theo mức 2.000.000 đồng/01 tháng nếu anh phải nuôi cháu L1. Tại phiên tòa phúc thẩm anh yêu cầu mức cấp dưỡng 3.500.000 đồng/ 1 tháng thì mới đồng ý nuôi con chung và chấp nhận ly hôn. Chị L xác định điều kiện kinh tế, khả năng thu nhập chỉ có thể cấp dưỡng nuôi cháu L1 cùng anh T tối đa 500.000 đồng/01 tháng, HĐXX xét thấy: Thu nhập chính của chị L hiện nay là từ bán rau ngoài chợ khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/01 tháng, ngoài ra chị L còn đang nuôi 02 con chung của chồng trước (đã chết) và đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ nên điều kiện kinh tế khó khăn hơn. Anh T hiện nay đang làm thợ xây thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/01 tháng nếu làm đủ công. Việc nuôi con chưa thành niên là nghĩa vụ chung của bố và mẹ. Hiện cháu L1 còn nhỏ tuổi, cần nhiều chi phí nuôi dưỡng, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khả năng, điều kiện kinh tế của các bên buộc chị L cấp dưỡng nuôi cháu L1 cùng anh T là 700.000 đồng/01 tháng kể từ thời điểm 01/7/2019 dương lịch cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi là có căn cứ. Vì vậy không chấp nhận nội dung kháng cáo yêu cầu cấp dưỡng 3.500.000 đồng/1 tháng của anh Thân Thanh T.

[3]. Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Thân Thanh T, căn cứ khoản 1, Điều 308- Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

[4]. Sau khi ly hôn các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh Thân Thanh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1, Điều 308- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Thân Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Căn cứ: khoản 1, Điều 28; khoản 4, Điều 147; Điều 148 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27; khoản 1, Điều 29- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị L được ly hôn anh Thân Thanh T.

- Về con chung: Giao anh Thân Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Thân Thanh L1, sinh ngày 27/11/2016. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T là 700.000 đồng/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ 01/07/2019 (dương lịch) cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

Chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

- Về án phí phúc thẩm: Anh Thân Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2012/05477 ngày 05/7/2019 của Chi cục thi hành án huyện V, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 – Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và Điều 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS H. V;
- UBND xã H;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ong Thân Thắng

